TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ K** **TỈNH H**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 09-9-2024
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ K, TỈNH H

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đặng Đức Huấn.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Chí Dựng.
2. Bà Nguyễn Thị Lựu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thăng Long-Thư ký Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã K, tỉnh H tham gia phiên toà: Bà Quách Thị Nên-Kiểm sát viên.

Ngày 09/9/2024, tại Trụ sở Toà án nhân dân thị xã K, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 162/2024/TLST-HNGĐ ngày 06/6/2024 về "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/8/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2024/QĐST-HNGĐ ngày 29/8/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị A1, sinh năm 1994.
Địa chỉ: Khu 2, phường PT, thị xã K, tỉnh H.
Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu D1, sinh năm 1992.
Địa chỉ: Thôn QL, xã TQ, thị xã K, tỉnh H.
Chị A1, anh D1 đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện, lời khai và các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn-chị Trần Thị A1 trình bày:

1. Về quan hệ vợ chồng: Chị kết hôn với anh Nguyễn Hữu D1, sinh năm 1992 vào ngày 15/02/2022 trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, khi cưới có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (Viết tắt là: UBND) xã TQ, thị xã K, tỉnh H. Sau khi kết hôn, chị về gia đình anh D1 chung sống. Quá trình chung sống tại đây được khoảng 02 tháng thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do quá trình tìm hiểu nhau chữ kĩ nên khi về chung sống tính cách vợ chồng trái ngược nhau, thường xuyên bất đồng trong quan điểm sống, liên tục xảy ra cãi vã, không thể nói chuyện được với nhau.

Trong cuộc sống anh D1 là người vô tâm, không quan tâm gì đến chị nên mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng. Khoảng tháng 05/2022, chị đã nộp đơn khởi kiện xin ly hôn anh D1 tại Tòa án. Tòa án đã tiến hành thụ lý vụ án và gọi chị lên làm việc. Khi làm việc, được cán bộ Tòa án giải thích, góp ý nên chị đã rút yêu cầu khởi kiện của mình để hi vọng vợ chồng chị có cơ hội hàn gắn tình cảm. Tuy nhiên, sau khi rút đơn về chị nhận thấy tính cách hai bên vẫn không thể hòa hợp, trong cuộc sống anh D1 không chịu thay đổi, vẫn là người vô tâm, không quan tâm gì đến chị. Thậm chí, khoảng tháng 04/2023, anh D1 chơi bời dẫn đến nợ nần bên ngoài, chị đã phải trả nợ cho anh D1 nhiều lần. Đến tháng 10/2023, do không chịu đựng được nên chị đã bỏ ra ngoài thuê trọ ở, sau anh D1 có đến tìm chị để xin lỗi mong chị cho cơ hội sửa đổi. Sau đó chị đã quay trở về nhưng đến nay anh D1 vẫn chứng nào tật đấy không thể thay đổi được nên chị đã về gia đình mẹ đẻ tại Khu 2, phường PT sống ly thân với anh D1. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng và kéo dài nên chị đề nghị Tòa án không cần tiến hành hòa giải mà giải quyết cho chị ly hôn anh Nguyễn Hữu D1.

2. Quan hệ về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại lời khai, bị đơn-anh Nguyễn Hữu D1 trình bày*:

1. Về quan hệ hôn nhân: Về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn như chị A1 đã trình bày. Trong quá trình chung sống, anh và chị A1 không xảy ra mâu thuẫn gì, chỉ thi thoảng có cãi nhau rồi lại làm hòa. Việc chị A1 nộp đơn ly hôn đến Tòa án theo anh nguyên nhân là do vợ chồng lấy nhau đến nay hơn 02 năm nhưng chưa có con, một phần nguyên nhân khác là do vợ chồng bất đồng về kinh tế gia đình. Nay chị A1 có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, anh đề nghị Tòa án tiến hành hòa giải để vợ chồng anh có cơ hội làm lại và chung sống với nhau.

2. Quan hệ về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại Biên bản ghi lời khai, người làm chứng-ông Nguyễn Hữu K1 trình bày*: Ông có quan hệ là bố đẻ anh Nguyễn Hữu D1, chị Trần Thị A1 là con dâu ông. Chị A1, anh D1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã TQ, thị xã K. Sau khi kết hôn, chị A1 về gia đình ông chung sống. Quá trình chung sống tại đây ông không thấy anh chị xảy ra mâu thuẫn hay xô xát. Gia đình ông bất ngờ về việc chị A1 làm đơn khởi kiện việc ly hôn anh D1 ra Tòa án. Theo ông nguyên nhân chị A1 làm đơn ly hôn là do vợ chồng bất đồng nhau về việc làm ăn kinh tế. Anh D1 làm nghề Shipper, cách đây khoảng vài tháng có xảy ra sự việc không mong muốn nên phải đền bù tiền. Sau khi chị A1 làm đơn khởi kiện thì có về trao đổi với gia đình ông. Vợ chồng ông đã khuyên nhủ chị A1 và trao đổi với gia đình nhà đẻ của chị A1 để cố gắng động viên chị A1, hòa

giải để anh chị quay về đoàn tụ. Nay gia đình ông mong muốn Tòa án hòa giải để vợ chồng anh chị có cơ hội làm lại; chị A1, anh D1 không có con chung.

- *Tại Biên bản ghi lời khai, người làm chứng-bà Trương Thị Mây trình bày*: Bà là mẹ đẻ của chị A1; anh D1 là con rể bà. Chị A1, anh D1 kết hôn vào ngày 15/02/2022 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã TQ, thị xã K. Sau ngày cưới, chị A1 về gia đình anh D1 chung sống. Mặc dù không chung sống cùng nhưng bà biết vợ chồng anh chị xảy ra mâu thuẫn từ năm 2022 (khoảng vài tháng sau ngày cưới). Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh D1 mải chơi, không tu chí làm ăn dẫn đến nợ nần. Khoảng tháng 9/2022, chị A1 đã nộp đơn khởi kiện tại Tòa án. Sau khi được hai bên gia đình động viên, khuyên nhủ, chị A1 đã rút đơn về để đoàn tụ vợ chồng nhưng anh D1 không chịu sửa đổi, vẫn chứng nào tật đấy. Chị A1 đã nhiều lần có ý định bỏ về nhà bà để sống ly thân với anh D1 nhưng bản thân bà và gia đình chồng cố gắng động viên nên chị A1 vẫn ở lại sống cùng anh D1, để anh D1 tiếp tục có cơ hội để sửa đổi. Do anh D1 không chịu sửa đổi nên chị A1 đã bỏ về gia đình bà sống ly thân với anh D1. Nay chị A1 có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn anh D1, bà xác định mâu thuẫn giữa anh chị đã kéo dài nên đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị A1.

- *Tại Biên bản xác minh ngày 17/4/2024, UBND xã TQ cung cấp*: Anh D1, chị A1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã TQ vào ngày 15/02/2022. Sau ngày cưới chị A1 về sinh sống tại gia đình anh D1 thuộc thôn QL, xã TQ. Quá trình chung sống tại đây hai anh chị có xảy ra mâu thuẫn nhưng địa phương không nắm được cụ thể nguyên nhân mâu thuẫn do đâu. Nay chị A1 có đơn khởi kiện xin ly hôn anh D1, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật; anh D1, chị A1 không có con chung.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã K phát biểu ý kiến, xác định Thẩm phán, Hội đồng xét xử (*Viết tắt: HĐXX*) đã tuân theo đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ các điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị A1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị A1 ly hôn anh Nguyễn Hữu D1; về án phí: Chị A1 phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, HĐXX nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng*:

[1.1]. *Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ trông chấp*: Chị Trần Thị A1 khởi kiện tranh chấp về hôn nhân và gia đình, đây là tranh chấp quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Nguyễn Hữu D1 có địa chỉ tại thôn QL, xã TQ, thị xã K, tỉnh H nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã K theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. *Về thủ tục hòa giải*: Quá trình giải quyết vụ án, chị Trần Thị A1 đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3]. *Về sự vắng mặt của đương sự*: Chị Trần Thị A1 vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh Nguyễn Hữu D1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Trần Thị A1 và anh Nguyễn Hữu D1 kết hôn vào ngày 15/02/2022 trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, khi cưới có đăng ký kết hôn tại UBND xã TQ, thị xã K. Đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị A1 về gia đình anh D1 chung sống. Quá trình chung sống tại đây được thời gian ngắn thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên bất đồng trong việc phát triển kinh tế gia đình. Chị A1 đã nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn anh D1. Được sự động viên, hòa giải của Tòa án, chị A1 đã rút yêu cầu khởi kiện (Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án) để vợ chồng quay về đoàn tụ. Sau khi đoàn tụ, mặc dù hai bên gia đình đã nhiều lần động viên, khuyên nhủ nhưng mâu thuẫn vợ chồng không được cải thiện. Chị A1 tiếp tục nộp đơn ly hôn và chuyển về gia đình mẹ đẻ sống ly thân với anh D1; anh D1 đề nghị Tòa án tiến hành hòa giải nhưng vắng mặt. Từ những căn cứ nêu trên, có đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân giữa chị A1, anh D1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, HĐXX sẽ áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị A1 được ly hôn anh D1.

[3]. *Quan hệ về con chung*: Không có.

[4]. *Quan hệ về tài sản chung, nợ chung*: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5]. *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 147; các điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị A1. Xử cho chị Trần Thị A1 ly hôn anh Nguyễn Hữu D1.

2. Về án phí: Chị Trần Thị A1 phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã K, theo biên lai số 0002510 ngày 31/5/2024. Chị Trần Thị A1 đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn (*vắng mặt*) có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND thị xã K;
- Chi cục THADS thị xã K;
- UBND xã TQ (*để vào sổ hộ tịch*);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Đặng Đức Huấn